

Số: /BC-BCĐCĐS

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện về Chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh năm 2022.

Triển khai Kế hoạch số 15/KH-BCĐCĐS ngày 28/01/2022 của Ban Chỉ đạo về Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số năm 2022; Quyết định số 16/QĐ- BCĐCĐS ngày 28/01/2022 về Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk (BCĐCĐS);

Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số) báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện nhiệm vụ Chuyển

đổi số cụ thể: 01 Quyết định¹; 07 Kế hoạch² và 02 văn bản chỉ đạo³ để triển khai thực hiện chuyển đổi số và hoạt động của ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk; trong đó phân công nhiệm vụ và giao cụ thể cho từng thành viên Ban chỉ đạo, quy định chế độ làm việc và các điều kiện đảm bảo tổ chức các cuộc họp định kỳ sơ kết 06 tháng, họp tổng kết và đột xuất.

- Công tác thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo về chuyển đổi số của cơ quan, địa phương:

Tới ngày 15/6/2022 tại cấp Sở có 14/18⁴ đơn vị thực hiện thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo /Tổ công tác chuyển đổi số; tại cấp huyện có 15/15 đơn vị thực hiện thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo về chuyển đổi số. Tại hai đơn vị cấp xã thực hiện thí điểm về chuyển đổi số là xã Hòa Phú của Thành phố Buôn Ma Thuột và xã Phú Lộc của huyện Krông Năng đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số để chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, đoàn thể của xã và các thôn tổ chức thực hiện tốt công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền điện tử, chính quyền số.

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-TU, vận động, khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia tích cực trong khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến. 6 tháng đầu năm 2022, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu xây dựng 02 sản phẩm phát thanh tuyên truyền về chuyển đổi số để phát trên hệ thống thông

¹ Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/05/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính, chỉ tiêu hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

² Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh năm 2022; Kế hoạch số 15/KH-BCĐCĐS ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số năm 2022; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk năm 2022; Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2022; Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 27/6/2022 thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

³ Văn bản số 1895/UBND-KGVX ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường hiệu quả quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước; Văn bản số 2904/UBND-KGVX ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh hướng dẫn một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022.

⁴ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Thanh Tra tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Công thương; Sở Tư pháp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại vụ, Sở Giao thông vận tải

tin cơ sở và xây dựng 07 video tuyên truyền pháp luật và sử dụng dụng cụ công dịch vụ công trong CCHC đăng tải trên Cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan tổ chức trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu ban hành nhiều văn bản tuyên truyền về chuyển đổi số⁵.

- Các cơ quan, đơn vị đã tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tính cấp thiết của chuyển đổi số đa dạng về hình thức lồng ghép tại hội nghị giao ban, sinh hoạt chi bộ, trên cổng thông tin điện tử. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

- Cổng/trang thông tin điện tử của các đơn vị đã đưa từ 01-03 tin, bài liên quan đến chuyển đổi số và tin bài truyền truyền trên hệ thống truyền thanh cấp huyện và cấp xã để tuyên truyền, phổ biến.

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Báo Đắk Lắk, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã mở các chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số, nhằm cung cấp thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số, tuyên truyền, phổ biến các kiến thức, kinh nghiệm trong công tác chuyển đổi số,...

2. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật.

- 100% Cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) ở các sở, ban, ngành (cấp tỉnh); UBND các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện); UBND các xã/phường/thị trấn (cấp xã) được trang bị máy tính.

- 100% cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện đã có hệ thống mạng nội bộ.

- 100% cơ quan Nhà nước có kết nối Internet băng thông rộng.

- Các hệ thống thông tin dùng chung được hình thành đã đảm bảo, tuân thủ theo đúng mục tiêu khi xây dựng nhiệm vụ, theo đúng định hướng, chủ trương về phát triển ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số của lãnh đạo tỉnh; có 218 đơn vị có mạng WAN, LAN, kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông được trang bị cơ bản đủ các điều kiện để tích hợp các hệ thống phần mềm của tỉnh. Hiện nay đang phục vụ cho hệ thống quản lý văn bản điều hành; hệ thống thư điện

⁵ Văn bản số 269/STTTT-TTBCXB ngày 03/03/2022 V/v Tuyên truyền, phổ biến văn bản về đầu tư cho CNTT, chuyển đổi số; Văn bản số 973/STTTT-TTBCXB ngày 25/6/2021 V/v tuyên truyền sách Cẩm nang Chuyển đổi số; Văn bản số 832/STTTT-TTBCXB ngày 08/06/2021 V/v đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; văn bản số 1387/STTTT-TTBCXB ngày 03/10/2020 V/v tuyên truyền về Chuyển đổi số; văn bản số 1672/STTTT-TTBCXB ngày 30/09/2021 V/v tuyên truyền các hoạt động trước, trong và sau Hội thảo “Chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa và nhỏ”...

tử công vụ; hệ thống Cổng/trang thông tin điện tử thành viên; phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức; Cổng thông tin điện tử xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, phát triển Kinh tế - xã hội; cơ sở dữ liệu dùng chung (<https://csdl.daklak.gov.vn/>); cổng tương tác công dân với chính quyền (<http://tuongtaccongdan.daklak.gov.vn/>), Appdaklak; kết nối phần mềm VILIS; lý lịch tư pháp; hộ tịch; đăng ký kinh doanh.

3. Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng.

- Tại tỉnh Đắk Lắk việc kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP, NDXP) để khai thác các CSDL quốc gia được thực hiện thông qua Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu (ESB) của tỉnh (là một phân hệ đảm nhận việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh được xây dựng trong dự án “Mở rộng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành năm 2020”, trong thời gian tới, Sở Thông tin và Truyền thông sẽ tham mưu xây dựng, nâng cấp trục ESB thành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP). Trục ESB được xây dựng với tầm nhìn là bước đầu triển khai các thành phần quan trọng để tiến tới hoàn thiện LGSP của tỉnh, song với các yêu cầu tích hợp ngày càng nhiều các CSDL quốc gia và CSDL các bộ, ngành như hiện nay việc mở rộng, nâng cấp trục ESB cần phải được khẩn trương thực hiện để đảm bảo về nhu cầu kết nối và yêu cầu về an toàn thông tin theo quy định.

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (iDesk) đã được triển khai đồng bộ đến toàn bộ các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hoàn thành kết nối, liên thông và trao đổi văn bản điện tử giữa Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh với Hệ thống của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Về nền tảng đô thị thông minh, đã triển khai các dịch vụ bao gồm: Dịch vụ giám sát Hệ thống dịch vụ công trực tuyến; Dịch vụ Giám sát, điều hành Kinh tế - Xã hội; Dịch vụ Phản ánh hiện trường; Dịch vụ Giám sát camera an ninh trật tự và điều hành giao thông; Dịch vụ giám sát an toàn an ninh thông tin (SOC).

- Về thanh toán trực tuyến, Cổng Dịch vụ công của tỉnh đã kết nối với nền tảng thanh toán tập trung trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia từ ngày 15/7/2020, triển khai thanh toán trực tuyến cho các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của tỉnh có phí, lệ phí. Từ ngày 15/12/2021 tới ngày 15/6/2022 có 9.549 giao dịch thanh toán trực tuyến; trong đó có 6.283 giao dịch thành công, với tổng số tiền thanh toán là hơn 17,2 tỷ đồng.

- Tới ngày 15/6/2022 tỉnh Đắk Lắk có 1.538 thủ tục hành chính được cập nhật vào cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, trong đó có 856 dịch vụ công cung cấp trực tuyến.

- Đã phân quyền cho hơn 949 tài khoản của cán bộ, công chức thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin về trang thông tin điện tử và dịch vụ công trực tuyến của tỉnh với hệ thống đánh giá, thu thập thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý, vận hành.

- Ngành Y tế triển khai hệ thống hội chẩn, tư vấn khám chữa bệnh từ xa tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, 18 đơn vị đã được trang bị hệ thống hội chẩn, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa. Triển khai Hệ thống quản lý về thông tin tiêm chủng Quốc gia (<http://tiemchung.gov.vn>) tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, 15 Trung tâm Y tế huyện/thị xã/thành phố, 185 Trạm Y tế xã/phường/thị trấn và các điểm tiêm chủng dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục duy trì thực hiện Hệ thống báo cáo Thống kê y tế theo Thông tư 37/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ Y tế quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Y tế. Duy trì phần mềm Quản lý khám chữa bệnh: Các đơn vị đã triển khai, sử dụng phần mềm quản lý bệnh viện của nhiều nhà cung cấp khác nhau và cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ công tác quản lý, khám chữa bệnh, như: Medisoft, HospiSoft, FPT Hospital, VNPT-HIS,... Triển khai quy trình “làm sạch” dữ liệu tiêm chủng COVID-19: đã phối hợp với Tổ công tác triển khai Đề án 06 các cấp xác minh, cập nhật thông tin cho 67.272 trường hợp, bao gồm các trường hợp không có số CCCD/CMND/mã định danh; các trường hợp sai định dạng số CCCD/CMND/mã định danh các trường hợp sai thông tin cơ bản số CCCD/CMND/mã định danh, họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính. Hiện đang thực hiện thí điểm trong năm 2022 sử dụng thẻ CCCD thay thế Bảo hiểm xã hội phục vụ khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, bệnh viện theo hướng dẫn tạm thời tại Công văn số 931/BYT-BH ngày 28/02/2022 của Bộ Y tế.

- 100% cơ sở giáo dục sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (tại địa chỉ csdl.moet.gov.vn), thường xuyên cập nhật số liệu về công tác quản lý, giảng dạy tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; dữ liệu trong cơ sở dữ liệu ngành được đồng bộ, liên thông từ Sở Giáo dục và Đào tạo đến phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai các hệ thống nền tảng: Nền tảng bảo tàng số; Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch cung cấp dịch vụ thống kê, báo cáo, quản trị theo thời gian thực về lượng khách, doanh thu, phòng trống... của khách sạn, cơ sở lưu trú mọi lúc mọi nơi; quản trị nội bộ khách sạn (phòng, bán hàng, tài chính, nhân sự...); công cụ cho phép người sử dụng tìm kiếm, đặt phòng, trả phòng; tích hợp với cơ quan Nhà nước về quản lý lưu trú nhằm giám sát hoạt động lưu trú khi cần và cung cấp số liệu phục vụ cho công tác thống kê của Tổng cục du lịch về lượng khách, doanh thu theo từng mảng và nguồn khách từ các quốc gia trên thế giới đến Việt nam.

- Lĩnh vực Văn hóa: Triển khai số hóa lĩnh vực Di sản văn hóa theo Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê

duyet Chương trình số hóa Di sản văn hóa giai đoạn 2021 – 2030; Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh về triển khai chương trình số hóa Di sản văn hóa giai đoạn 2022 – 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, Bảo tàng Đắk Lắk đã xây dựng kế hoạch triển khai xây dựng nền tảng Bảo tàng số. Bước đầu đã triển khai triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu các hiện vật (thông tin, hình ảnh, câu chuyện, video, audio, 3D ...) đang trưng bày tại Bảo tàng Đắk Lắk. Số hóa tư liệu các hoạt động, nghi lễ, hình ảnh sinh hoạt của cộng đồng các dân tộc Đắk Lắk; biên tập và phát hành các video trên các phương tiện truyền thông của Bảo tàng Đắk Lắk. Số hoá các tư liệu, phim ảnh từ các thiết bị lưu trữ cũ như băng DV mini hoặc phim âm bản, dương bản về các định dạng số thống nhất, tương thích với các thiết bị và ứng dụng số. Lập danh mục hiện vật, đo vẽ, chụp ảnh, scan, biên tập, dịch thuật, sản xuất nội dung thông tin và triển khai thực hiện số hóa hiện vật. Tiếp tục đầu tư kinh phí để mô hình hóa 3D các hiện vật nhằm tăng cường tương tác thực tế ảo tại các phòng trưng bày. Nghiên cứu, ứng dụng quét mã QR Code bằng điện thoại thông minh giúp du khách dễ dàng truy xuất thông tin liên quan đến hiện vật trưng bày. Xây dựng hệ thống bảo tàng 3D trên trang thông tin điện tử của đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, quảng bá. Triển khai ưu tiên thực hiện số hoá 02 di tích: Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột (phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột) và Di tích lịch sử quốc gia đình Lạc Giao (phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột). Nội dung số hóa cụ thể: Lý lịch; tập ảnh khảo tả; Bản đồ vị trí; bản vẽ mặt bằng tổng thể, bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ; Quyết định xếp hạng; các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo điều hành liên quan đến hoạt động quản lý, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đối với di tích, các hiện vật, tư liệu, hình ảnh, video liên quan đến di tích; một số kỳ tế, lễ tại di tích (nếu có).

- Lĩnh vực Thư viện: Nền tảng Thư viện số, ứng dụng công nghệ số hiện đại như: trí tuệ nhân tạo, IoT... cung cấp cho người dùng tin các sản phẩm và dịch vụ thư viện - thông tin (ở cả không gian vật lý và không gian số) nhanh chóng, tiện lợi, thân thiện. Cung cấp dịch vụ trực tuyến, bao gồm giới thiệu tài nguyên thông tin mới, tra cứu tài nguyên thông tin, mượn/trả, gia hạn tài nguyên thông tin, sao chụp từ xa... hỗ trợ học tập, nghiên cứu và giải trí cho người dân. Phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động thông minh để cung cấp các dịch vụ và khả năng truy cập các nguồn tài nguyên thông tin của thư viện ở mọi lúc, mọi nơi. Qua đó góp phần xây dựng hệ sinh thái dữ liệu mở về thư viện và mạng thông tin thư viện, góp phần xây dựng đô thị thông minh và xã hội học tập.

- Lĩnh vực Thể thao: Xây dựng Cơ sở dữ liệu và Hệ thống thông tin Thể dục thể thao bao gồm: Dữ liệu quản lý các chỉ tiêu về thể thao quần chúng (tỷ lệ người tập luyện thể thao thường xuyên; hộ gia đình, câu lạc bộ; Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao...); Dữ liệu thông tin về huấn luyện viên, vận động viên Thể thao

thành tích cao (Quản lý tập luyện, thi đấu, thành tích của Vận động viên Huy chương, Bằng khen; quy trình tuyển chọn Vận động viên, ...).

- Lĩnh vực Du lịch: Xây dựng và triển khai Cổng thông tin Du lịch thông minh bao gồm cả ứng dụng trên thiết bị điện thoại di động, cung cấp các thông tin du lịch được chuẩn hóa sử dụng hình ảnh, công nghệ, mô phỏng 3D, 4D để giới thiệu điểm đến, các tour tuyến du lịch, phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị thông minh để quảng bá tiềm năng và vị thế của tỉnh. Xây dựng Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch cung cấp dịch vụ thống kê, báo cáo, quản trị theo thời gian thực về lượng khách, doanh thu, phòng trống... của khách sạn, cơ sở lưu trú mọi lúc mọi nơi; quản trị nội bộ khách sạn (phòng, bán hàng, tài chính, nhân sự...); công cụ cho phép người sử dụng tìm kiếm, đặt phòng, trả phòng; tích hợp với cơ quan Nhà nước về quản lý lưu trú nhằm giám sát hoạt động lưu trú khi cần và cung cấp số liệu phục vụ cho công tác thống kê của Tổng cục du lịch về lượng khách, doanh thu theo từng mảng và nguồn khách từ các quốc gia trên thế giới đến Việt nam. Xây dựng, tích hợp hệ thống quản lý lưu trú liên thông, tích hợp hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia.

- Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai hệ thống thông tin đất đai ViLIS (phần mềm ViLIS) phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai. Đã thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm với nhau gồm: ViLIS 2.0, hệ thống iGate và liên thông thuế (THUE-TNMT). Ứng dụng phần mềm quản lý thu phí lệ phí điện tử và xuất biên lai hóa đơn điện tử tại hệ thống văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. Cơ bản đáp ứng công tác giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, đáp ứng công tác quản lý nhà nước, công tác chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực đất đai.

4. Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu.

- Cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của tỉnh đã đồng bộ với các CSDL dùng chung quốc gia, bước đầu đáp ứng yêu cầu về mặt liên thông, chia sẻ dữ liệu theo kiến trúc CPĐT Việt Nam phiên bản 2.0. Tỉnh đã hoàn thiện 25⁶ cơ sở dữ liệu dùng chung với mục tiêu lưu trữ, bổ sung, cập nhật toàn bộ các danh mục dùng chung toàn tỉnh để chia sẻ cho các hệ thống công nghệ thông tin khác.

- Kết nối, tích hợp dữ liệu từ các nguồn CSDL chuyên ngành của tỉnh với Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) của tỉnh, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời dữ liệu phục vụ vận hành của Trung tâm IOC: Dữ liệu chỉ

⁶ Danh mục cơ quan; Danh mục đơn vị; Danh mục cán bộ công chức; Danh mục loại tổ chức, cá nhân; Danh mục tình trạng hôn nhân; Danh mục quan hệ gia đình; Danh mục vị trí việc làm; Danh mục địa giới hành chính; Danh mục tuyến đường; Danh mục dân tộc; Danh mục tôn giáo; Danh mục quốc tịch; Danh mục trình độ chuyên môn kỹ thuật; Danh mục nghề nghiệp; Danh mục thông tin sinh trắc học; Danh mục loại văn bản; Danh mục cấp văn bản; Danh mục lĩnh vực văn bản; Danh mục độ mật; Danh mục độ khẩn; Danh mục quy trình; Danh mục giấy tờ kèm theo; Danh mục bộ thủ tục hành chính; Danh mục lĩnh vực thủ tục hành chính; Danh mục loại hình doanh nghiệp

tiêu kinh tế - xã hội, báo cáo, thống kê; dữ liệu giám sát hành chính công, một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến, quản lý văn bản và điều hành; dữ liệu giám sát, điều hành lĩnh vực y tế, lĩnh vực giáo dục, dữ liệu về du lịch thông minh, dữ liệu phục vụ giám sát camera an ninh, an toàn giao thông; dữ liệu giám sát an toàn thông tin; giám sát điều hành các lĩnh vực tài nguyên môi trường tỉnh.

- Ngành Nông nghiệp và PTNT đang xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL): quản lý rừng, giao khoán, khai thác, chế biến lâm sản gỗ và ngoài gỗ; CSDL ứng dụng trong quản lý, chế biến, xúc tiến thương mại nông sản. CSDL đang chuẩn bị đưa vào sử dụng tại Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ban, ngành có liên quan gồm: Quản lý ngành hàng cà phê của tỉnh; Quản lý ngành hàng thủy sản của tỉnh; Quản lý thủy sản kết quả mẫu phân tích quan trắc môi trường nước phục vụ nuôi trồng thủy sản; cảnh báo về môi trường nước.

- Ngành Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 04/7/2022 triển khai cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2022. Theo đó, mục tiêu trước tháng 9/2022 hoàn thành triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho 15/15 đơn vị cấp huyện trên địa bàn tỉnh; hoàn thiện và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai (cơ sở dữ liệu địa chính; cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cơ sở dữ liệu giá đất; cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai) phục vụ công tác quản lý đất đai, cung cấp dịch vụ công về đất đai và chia sẻ thông tin đất đai với các ngành, tổ chức, cá nhân (thuế, công chứng, ngân hàng,...) tạo nền tảng dữ liệu phục vụ triển khai, vận hành chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; hoàn thiện việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai thông qua việc hiện đại hóa Văn phòng Đăng ký đất đai từ việc cải tiến quy trình, tiêu chuẩn dịch vụ tới việc trang bị thiết bị công nghệ thông tin cho Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh trên địa bàn tỉnh.

- Ngành Xây dựng đang triển khai phối hợp xây dựng CSDL về lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

- Ngành Giao thông vận tải đã phối hợp cùng Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam xây dựng, phát triển hệ thống dữ liệu quản lý GPLX; phương tiện vận tải khách và các ứng dụng trên nền tảng GIS như quản lý camera, giám sát hành trình của phương tiện vận tải khách.

- Ngành Y tế, hiện nay đang sử dụng dữ liệu quản lý cấp chứng chỉ hành nghề, cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh chữa bệnh do Bộ Y tế triển khai. Đã triển khai việc kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu Dược Quốc gia đến các Nhà thuốc, Quầy thuốc trên địa bàn tỉnh. Đến nay, có 1.793 cơ sở Dược được cấp tài khoản kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu Dược quốc gia (trong đó, Công ty: 41; Nhà thuốc: 335; Quầy thuốc: 1.417).

- Ngành Tư pháp đã triển khai nâng cấp và phát triển phần mềm Quản lý cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực (<https://qlccct.daklak.gov.vn>).

- 100% cơ sở Giáo dục trên địa bàn tỉnh sử dụng phần mềm TEMIS phục vụ việc đánh giá và quản lý kết quả đánh giá giáo viên, đánh giá cán bộ quản lý giáo dục của các cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ.

- 100% cán bộ, công chức đã thực hiện tiếp nhận, luân chuyển, xử lý văn bản đi/đến, dự thảo, xin ý kiến, trình duyệt, ký số, phát hành văn bản trên phần mềm iDesk. Tổng số văn bản đến trong kỳ báo cáo là: 293.454; tổng số văn bản đi là: 338.208 văn bản; tỷ lệ văn bản được ký số cơ quan và ký số cá nhân đạt trên 96% giúp cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị công khai, minh bạch, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong cơ quan nhà nước.

- 100% công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan được cấp tài khoản thư công vụ của tỉnh (....@daklak.gov.vn), 80% sử dụng thường xuyên để giao dịch trong công việc.

- Số lượng Chứng thư số chuyên dùng Chính phủ cấp đến ngày 15/6/2022 tỉnh Đắk Lắk có: 6.179 (5.178 cá nhân, 1.001 tổ chức, 859 SIM PKI); có hơn 474 chứng thư số bị thu hồi; 5.224 chứng thư số đang hoạt động; 475 chứng thư số chưa hoạt động; 06 chứng thư số hết hiệu lực.

- Hệ thống thông tin báo cáo được triển khai và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

6. Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 19/19 Sở, ban, ngành và 15/15 UBND cấp huyện có trang thông tin điện tử. Hệ thống cổng/trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước tỉnh đã từng bước được cải thiện về giao diện, hoạt động cung cấp và tiến tới minh bạch thông tin của cơ quan nhà nước; đặc biệt là thông tin về công tác chỉ đạo điều hành, thông tin kinh tế, xã hội của tỉnh đã đăng tải kịp thời trên môi trường mạng phục vụ rộng rãi cho cộng đồng, xã hội.

- Sở Tư pháp tiếp tục triển khai việc đăng ký khai sinh điện tử, cấp số định danh cá nhân theo Luật Hộ tịch và Luật Căn cước công dân; dữ liệu hộ tịch điện tử của địa phương trên hệ thống thông tin Đăng ký và Quản lý hộ tịch; xây dựng kế hoạch và tiếp tục các bước triển khai thực hiện số hóa sổ hộ tịch. Cập nhật đầy đủ thông tin về công chức, viên chức, người thực hiện trợ giúp pháp lý; tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý; vụ việc trợ giúp pháp lý trên phần mềm Quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý của Bộ Tư pháp. Triển khai cập nhật công khai

việc đấu giá tài sản lên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản theo quy định.

7. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4.

- Hệ thống cổng dịch vụ công tỉnh Đắk Lắk cung cấp: 1.674 thủ tục hành chính (cấp tỉnh: 1.377 TTHC, cấp huyện: 195 TTHC, cấp xã: 102 TTHC). Trong đó DVCTT mức độ 3: 407, DVCTT mức độ 4: 655, tỷ lệ triển khai DVCTT mức độ 4 của tỉnh đạt 100% TTHC đủ điều kiện cung cấp mức độ 4. Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 15/6/2022 hệ thống iGate đã giải quyết 646.374 hồ sơ theo cơ chế Một Cửa điện tử liên thông, tỷ lệ giải quyết đúng hạn 96.75%.

- Tổng số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, 3 và 4 có phát sinh hồ sơ (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) của tỉnh: 550.

- Số lượng DVCTT mức độ 3 có phát sinh hồ sơ (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến): 148; Tỷ lệ DVCTT mức độ 3 có phát sinh hồ sơ: 26,9% (148/550); Trong đó, số DVCTT mức độ 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 131, đạt tỷ lệ: 87,51% (131/148).

- Số lượng DVCTT mức độ 4 có phát sinh hồ sơ (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến): 264; Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 có phát sinh hồ sơ: 48% (264/550); Trong đó, số lượng DVC mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 211; đạt tỷ lệ: 79,92% (211/264);

- Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 83% (Tổng số lượng DVCTT mức độ 3 và mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến / Tổng số lượng DVCTT mức độ 3 và mức độ 4 có phát sinh hồ sơ (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) 342/412).

8. Nguồn nhân lực.

- Số lượng cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước là 82 người (tại các sở, ban, ngành 60 người, tại UBND cấp huyện 22 người). Trong đó: Có 12 người có trình độ thạc sỹ, 49 người có trình độ đại học, 12 người có trình độ cao đẳng, 02 người có trình độ trung cấp và 07 người có trình độ khác về công nghệ thông tin.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thành thạo máy tính trong công việc: Cấp tỉnh là 100%, cấp huyện là 100% và cấp xã là 80% (sử dụng máy tính để soạn thảo văn bản, truy cập Internet và tìm kiếm, khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ).

- Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Cục Tin học hóa của Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp 250 danh sách lãnh đạo cấp xã để tham gia Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs).

- Hầu hết các sở, ban, ngành, địa phương đều bố trí 01 người có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin phụ trách kỹ thuật về công nghệ thông tin của

đơn vị và cơ bản đáp ứng trong việc tham mưu, vận hành hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị. Tuy nhiên, do nhiều người còn kiêm nhiệm các công việc khác nên ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ trong việc tham mưu, vận hành hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.

9. An toàn thông tin.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Cục An toàn thông tin, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia, Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống thông tin mạng, các Cổng/Trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kịp thời các biện pháp không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Bên cạnh đó, để tăng cường bảo đảm an toàn thông tin cá nhân trên môi trường mạng theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng, Sở Thông tin và Truyền thông đã đề nghị các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh rà soát, triển khai đầy đủ các quy định về an toàn thông tin mạng để đảm bảo an toàn thông tin cá nhân trên môi trường mạng.

Để đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trước sự tấn công của các đối tượng tấn công nhằm vào các lỗ hổng bảo mật, Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên ban hành các văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm tra, rà soát hệ thống thông tin của đơn vị mình, kịp thời khắc phục các lỗ hổng bảo mật giảm thiểu nguy cơ bị tấn công mạng theo cảnh báo của Cục An toàn thông tin, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia và các cơ quan chức năng.

Nhằm góp phần nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và người dân trên địa bàn tỉnh trong việc bảo vệ, hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2022-2025” trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, để đảm bảo an toàn thông tin đáp ứng các mục tiêu quy định tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại, Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai giải pháp phòng chống mã độc có chức năng cho phép quản trị tập trung; có dịch vụ, giải pháp hỗ trợ kỹ thuật 24/7, có khả năng phản ứng kịp thời trong việc phát hiện, phân tích và gỡ bỏ phần mềm độc hại; có thể chia sẻ thông tin, dữ liệu thống kê tình hình lây nhiễm mã độc với hệ thống kỹ thuật của cơ quan chức năng có thẩm quyền, tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông và quy định của pháp luật (*Hệ thống quản lý tập trung của phần mềm phòng chống*

mã độc đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông vận hành). Đồng thời, đã triển khai cài phần mềm virus có bản quyền cho máy trạm tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh, để phục vụ phòng chống mã độc, diệt virus cho 2.288 máy trạm được kết nối về hệ thống quản lý tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu để theo dõi, phân tích mã độc.

Để phục vụ việc kiểm tra, giám sát, đánh giá và đảm bảo an toàn cho hoạt động cho 58 Trang/Cổng thông tin điện tử và 67 Trang/Cổng thông tin điện tử thực hiện giám sát trạng thái của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã xây dựng và triển khai Kế hoạch thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin đối với Trang/Cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước.

Về công tác xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, Sở Thông tin và Truyền thông đã hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương về xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ, quy trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin. Kết quả công tác xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin như sau: số lượng hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh đã xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin là 77 hệ thống. Trong đó, hệ thống thông tin cấp độ 2 đã phê duyệt là 41/72 hệ thống (đạt tỷ lệ 56,94%); số lượng hệ thống thông tin cấp độ 3 đã phê duyệt là 04/05 hệ thống (đạt tỷ lệ 80%).

10. Về kinh tế số.

- Kinh tế số tỉnh Đắk Lắk bước đầu đã đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh. Cùng với đó UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 18/3/2022 Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn tỉnh Đắk Lắk năm 2022 để từng bước thực hiện hỗ trợ đưa hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử <https://voso.vn> và <https://postmart.vn>. Số hộ Sản xuất nông nghiệp (SXNN) đã thu thập được thông tin số hóa dữ liệu tới tháng 6/2022 là 99.494 hộ; Số hộ SXNN đã được đưa thông tin lên sàn: 99.494 hộ; Số hộ SXNN được tập huấn là 247 hộ; Số lượt giao dịch sản phẩm nông nghiệp được tiêu thụ qua sàn thương mại điện tử (TMĐT) là 2.487 sản phẩm; Doanh thu tiêu thụ qua sàn TMĐT 1.353 triệu đồng.

- UBND tỉnh đã ký kết hợp tác, triển khai các nội dung chuyển đổi số, phối hợp với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn về Công nghệ thông tin như FPT, để thực hiện thu hút, kêu gọi đầu tư, thành lập doanh nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, hai tập đoàn lớn VNPT, Viettel có chi nhánh

đặt trên địa bàn tỉnh cũng thường xuyên hợp tác, triển khai các hoạt động kinh tế số với các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

11. Về Xã hội số.

- Mạng lưới viễn thông đã được đầu tư, phát triển rộng khắp đến các khu vực trên địa bàn tỉnh. Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã được kết nối cáp quang đến trung tâm; phủ sóng điện thoại 2G, 3G, 4G đến thôn, buôn; tỷ lệ người dân sử dụng Internet là hơn 60%; tỷ lệ dân số có smartphone là 57,07%. Các cơ sở giáo dục đã ứng dụng phần mềm quản lý trường vào dạy và học; các trạm y tế cấp xã đã triển khai ứng dụng quản lý thông tin y tế; xây dựng hệ thống khám chữa bệnh từ xa; lập hồ sơ sức khỏe điện tử...

- Sở Thông tin và Truyền thông đang tham mưu thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính quyền số, kinh tế số và xã hội số đến các xã, phường, thị trấn; triển khai thí điểm chuyển đổi số cho 02 xã (xã Hòa phú thuộc UBND thành phố Buôn Ma Thuột và xã Phú lộc thuộc UBND huyện Krông năng) và sau đó nhân rộng mô hình cho các địa phương khác.

- Tại xã Hòa phú của Thành phố Buôn Ma Thuột, Viettel Đắc Lắc đang thực hiện mở tài khoản tiền di động (Viettel Money) và hướng dẫn thanh toán QR Code cho 100% cán bộ xã và tiếp tục triển khai mở rộng cho các đối tượng khác trong xã; Triển khai chợ 4.0 tại chợ xã Hoà Phú. Tư vấn, cài đặt và trang bị hình ảnh điểm chấp nhận thanh toán QR Code cho 23 cửa hàng /hộ tiểu thương và tiếp tục mở rộng triển khai. Mục tiêu mỗi cửa hàng /hộ tiểu thương được trang bị đầy đủ hình ảnh QR Code phục vụ cho người dân sau này có tài khoản ra chợ/ cửa hàng để thanh toán.

- Tại xã Phú Lộc, huyện Krông Năng đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã với 57 thành viên và thành lập 9/15 Tổ công nghệ cộng đồng (gồm các thôn: Lộc An, Lộc Tài, Lộc Tân, Lộc Thái, Lộc Thiện, Lộc Thịnh, Lộc Thuận, Lộc Tiến, Lộc Yên).

(Chi tiết thực hiện các nhiệm vụ tại các phụ lục:

Phụ lục I Kết quả triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 28/1/2022 của UBND tỉnh Về chuyển đổi số tỉnh Đắc Lắc, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh năm 2022,

Phụ lục II Bảng tổng hợp các nhiệm vụ đã triển khai về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc theo Văn bản số 2904/UBND-KGVX ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh,

Phụ lục III Bảng tổng hợp các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 15/KH-BCĐCDS ngày 28/01/2022 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số gửi kèm theo)

III. Đánh giá chung

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị đã xây dựng được một số nền móng quan trọng trong công tác chuyển đổi số như: Hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng nâng cấp; xây dựng được một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin và Internet phát triển nhanh chóng, bao phủ rộng khắp và hiện đại. Tỷ lệ người dân sử dụng Internet và điện thoại thông minh cao, có tốc độ tăng trưởng nhanh.

- Đội ngũ cán bộ công chức, viên chức hiện nay đa số là cán bộ trẻ, khả năng tiếp cận công nghệ thông tin nhanh, đáp ứng yêu cầu trong thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

2. Khó khăn

- Chưa thu hút được nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao về công tác tại địa phương.

- Nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước của tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo chế độ kiêm nhiệm, cán bộ công nghệ thông tin phải làm nhiều việc khác nên công tác tham mưu về chuyển đổi số còn hạn chế.

- Việc tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu của các ngành còn gặp khó khăn, vì hệ thống chưa có CSDL đủ lớn nên chưa thể đưa ra được các dự đoán, dự báo tình hình kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng.

- Bộ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tài nguyên, đất đai, xây dựng còn bắt buộc phải có một số hồ sơ giấy nên việc nâng cấp thủ tục hành chính lên mức độ 3,4 còn cần thời gian hoàn thiện.

- Việc thực hiện kết nối liên thông, đồng bộ trạng thái xử lý TTHC trên Hệ thống iGate với một số dịch vụ công của ngành Tư pháp (Đăng ký và quản lý hộ tịch; quản lý lý lịch tư pháp) vẫn chưa hoàn thiện, dẫn đến thông tin hồ sơ TTHC liên thông giữa các hệ thống không thống nhất và chính xác.

- Việc cung cấp, giải quyết dịch vụ công trực tuyến còn một số vướng mắc, đặc biệt là việc cung cấp dịch vụ công mức độ 4 do nhiều thủ tục hành chính của các ngành còn yêu cầu nộp hồ sơ giấy để lưu trữ, gây nhiều phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính qua mạng.

- Dịch vụ giám sát hệ thống dịch vụ công trực tuyến đã thực hiện gửi các cảnh báo về tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến về các đơn vị hằng ngày, tuy nhiên tình trạng xử lý hồ sơ chậm dẫn đến số lượng hồ sơ giải quyết trễ hạn và hồ sơ trực tuyến quá hạn tiếp nhận ở một số đơn vị còn nhiều.

- Việc tham mưu ban hành nghị quyết hỗ trợ cán bộ phụ trách, chuyên trách về công nghệ thông tin còn gặp nhiều vướng mắc do không có quy định từ Trung

ương và không các quy định đặc thù ngành công nghệ thông tin, do đó Hội đồng nhân dân tỉnh vẫn chưa đồng ý cho xây dựng.

- Chưa xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp.

- Tại UBND các phường, xã chưa có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin nên việc triển khai các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin còn gặp nhiều khó khăn.

3. Nguyên nhân

- Nhận thức và hành động liên quan đến chuyển đổi số của một số lãnh đạo các cấp, các ngành, đặc biệt là người đứng đầu chưa thực sự quyết liệt nên công tác chỉ đạo, điều hành trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, công tác chuyển đổi số còn gặp khó khăn, hiệu quả chưa cao.

- Hoạt động chuyển đổi số là vấn đề mới, phụ thuộc vào mức độ sẵn sàng của công nghệ đáp ứng cho yêu cầu của sự thay đổi. Tuy nhiên, tính sẵn sàng của các nền tảng công nghệ số chưa cao, dẫn đến kết quả, hiệu quả của chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh còn ở mức sơ khai.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về Thông tin và Truyền thông chưa đầy đủ và đồng bộ. Các cơ sở dữ liệu quốc gia ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử còn triển khai chậm. Các hệ thống thông tin triển khai từ các cơ quan Trung ương còn hạn chế trong liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống địa phương.

- Nội dung, hình thức tuyên truyền chưa có sự đổi mới, cán bộ thực hiện công tác tuyên truyền chưa được đào tạo bài bản nên kỹ năng tuyên truyền còn hạn chế.

IV. Một số nhiệm vụ trọng tâm xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số, chính quyền điện tử, chính quyền số trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022

1. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tăng cường bố trí các nguồn lực, sắp xếp, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực đủ năng lực, trình độ thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện chuyển đổi số của đơn vị, địa phương nhằm bảo đảm tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao; một số nhiệm vụ chính cần thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2022, cụ thể như sau:

- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện một số văn bản, quy định để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện nay.

- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số, triển khai thực hiện hiệu quả trong các ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo đạt chỉ tiêu số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính, chỉ tiêu hồ sơ được tiếp nhận,

giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường mạng và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Hướng dẫn mô hình và triển khai các nhiệm vụ để thực hiện chuyển đổi số ở cấp huyện, cấp xã.

- Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ và đăng ký tham gia các sàn thương mại điện tử như “voso.vn”, “postmart.vn”...; mở tài khoản thanh toán điện tử.

- Hướng dẫn tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số phục vụ cho các hoạt động thiết yếu như y tế, giáo dục, phòng chống dịch bệnh, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt....

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số và an toàn thông tin.

2. Các Sở, ban, ngành chủ động triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo hướng dẫn, định hướng của các Bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của ngành, lĩnh vực quản lý.

3. Người đứng đầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 04/NQ-TU trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách, quản lý; có trách nhiệm phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước để nâng cao nhận thức cho CBCCVC, người lao động, doanh nghiệp, người dân về chuyển đổi số.

4. Các thành viên Ban chỉ đạo chủ động lãnh đạo triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong ngành lĩnh vực quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị được phân công theo Kế hoạch số 15/KH-BCĐCĐS ngày 28/01/2022 của Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số năm 2022; tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai về Ban chỉ đạo tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) theo quy định.

6. Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ mới về chuyển đổi số như xây dựng kế hoạch tăng cường thanh toán điện tử cho các ngành; triển khai các hoạt động về xã hội số, phối hợp với Thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Krông Năng để triển khai thí điểm chuyển đổi số cho cấp xã; thành lập các tổ công nghệ số cộng đồng.

7. Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác chuyển đổi số tại 05 cơ quan, địa phương của tỉnh.

V. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với Bộ Thông tin và Truyền thông: Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông tham mưu Chính phủ ban hành các chính sách nhằm thu hút các chuyên gia công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng vào làm việc trong cơ quan Nhà nước.

- Đối với UBND tỉnh: Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ Kế hoạch số 23/KH-UBND, văn bản số 2904/UBND-KGVX ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh tập trung công tác triển khai chuyển đổi số tại cơ quan, địa phương mình tập trung công tác triển khai chuyển đổi số tại cơ quan, địa phương mình, trong đó lưu ý việc thành lập hoặc kiện toàn Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của cơ quan, địa phương để triển khai các nhiệm vụ. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi để huy động nguồn lực xã hội tham gia và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Chuyển đổi số 6 tháng đầu năm năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022, của Ban chỉ đạo chuyển đổi số báo cáo Ủy ban nhân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số (để b/c);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Tổ Giúp việc BCD CDS;
- Lưu: VT, CNTT.

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH TT UBND TỈNH
Nguyễn Tuấn Hà